

TRẦN KHANG NINH

NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

DỰ BÁO *theo*

TỬ BÌNH



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

**TRẦN KHANG NINH**

**NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG**

**DỰ BÁO  
THEO TỬ BÌNH**

**NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA**

## LỜI DẪN

Từ hàng ngàn năm nay, người phương Đông cũng như người phương Tây đều quan tâm đến diễn trình cuộc sống của bản thân trong trời đất. Từ sự quan tâm này, họ đã tạo dựng nên những hệ dự báo cho từng con người. Để có cơ sở dự báo, cả phương Tây và phương Đông đều dựng nên công cụ đo thời gian là lịch. Như lịch Gregorius của La Mã cổ đại (dựng năm 46 tr. CN), Công lịch (Dương lịch, lịch Grâhm) dựng năm 1582...; người phương Đông, cụ thể là người Trung Hoa cổ đại, người Việt Nam... dựng nên lịch Âm Dương cách nay hàng ngàn năm.

Lịch Âm Dương được người xưa dựng nên theo học thuyết Âm Dương và Ngũ Hành, mỗi một đơn vị thời gian (năm, tháng, ngày, giờ) được định vị bởi một trong 12 Toạ độ không gian, điều mà người ta quen gọi là 12 Địa Chi và 10 Toạ độ Không gian, điều mà dân gian quen gọi là Thập Can.

Các nhà mệnh lý xưa đã phát hiện ra một điều, mỗi một sự vật, hiện tượng, đặc biệt là con người, chỉ sinh ra ở một thời điểm độc nhất trong Không-Thời gian, sẽ có một cuộc sống - cuộc đời riêng biệt. Diễn trình cuộc đời này có thể mô tả qua tính chất của thời gian Âm Dương sinh (năm tháng ngày giờ). Từ phát hiện này, mà các nhà mệnh lý xưa đã dựng nên nhiều hệ dự báo dựa trên Hệ

thức Thời gian như : Mai hoa Dịch số, Bát tự Hà lạc, Lục Nhâm, Bốc phê, Tử vi...và Tử Bình. Mỗi một hệ dự báo, có cách xây dựng một hệ thức thời gian riêng, nhằm phản ánh tới mức có thể về diễn trình cuộc đời một người...qua một cái mốc duy nhất mà mỗi ai đều có khi xuất hiện lần đầu tiên trong Vũ Trụ – trên Trái Đất, đó là thời gian sinh theo lịch Âm Dương.

Cuốn sách "**Văn hoá nhân mệnh dân gian**" là cuốn sách có nội dung phản ánh diễn trình cuộc đời một người qua thời gian sinh theo lịch Âm Dương theo ý tưởng của một số nhà mệnh lý Trung Hoa cổ đại, đặc biệt là của ngài Tử Cư Dịch, tự là Tử Bình, sống vào đời Ngũ Đại (0907-0960) Trung Hoa cổ đại.

Theo ý tưởng của các nhà mệnh lý xưa trên, cuốn sách này phản ánh cách xác định sơ bộ một diễn trình cuộc đời người theo các bước: lập bốn cột thời gian (tứ trụ) theo lịch Âm Dương, biểu thị đại và tiểu diễn trình (đại vận và tiểu vận) của một người, tìm mệnh cung, an lục thân vào tứ trụ, xác định cách cục, an vòng trường sinh, xác định dụng thần, an thần-sát, tìm hợp xung, tìm nguyên cục ngũ hành...và cuối cùng là luận bàn.

Những nội dung trên là nhận thức của người xưa về Vũ Trụ, về con Người mà cho đến nay, vẫn chưa có thể chứng minh được trên bình diện khoa học. Song những ý tưởng đó của họ, là di sản văn hoá tinh thần của một thời xa xưa mà người đương đại nên biết. Do vậy, xin giới thiệu ra đây để các quý độc giả làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu văn hoá và nhân học.

**Bùi Biên Hoà**

VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI

## PHẦN MỞ ĐẦU

Dự báo qua Tử Bình được tiến hành thông qua luận giải các dữ liệu trong 4 cột thời (năm, tháng, ngày, giờ) gian lịch Can Chi, điều mà nhiều sách gọi là tứ trụ. Trong từng cột thời gian, người ta an (ghi) các dữ liệu là các thân trong thập thân, an cát tinh và hung tinh, các mức độ phát vượng hay thịnh suy của vòng trường sinh vào các thiên can của năm, tháng, ngày, giờ... Để có một cách nhìn tổng thể vận trình cuộc đời của một người, người ta còn xác định Mệnh cung, Cách cục, Đại vận, Tiểu vận, sự hợp xung, hình, hại của các Can Chi có trong dữ liệu thời gian sinh cụ thể của một người và tìm Dụng thần. Như vậy, việc lập sơ đồ dự báo qua 4 cột thời gian là điều quan trọng đầu tiên khi dự báo qua Tử Bình. Sau đây là những nét khái quát khi lập sơ đồ dự báo qua tử Bình

### 1. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Khi dự báo, người ta thường tiến hành qua các bước sau đây:

**Thứ nhất:** lập sơ đồ 4 cột thời gian (tứ trụ): cột Năm-cột Tháng-cột Ngày-cột Giờ sinh, lấy cột ngày sinh làm Nhật chủ (nhật chủ=thân mệnh của người được dự báo).

An Thập thân (10 thân) vào từng cột thời gian, bằng cách:

- Thông qua hàng Can của Năm, Tháng, Giờ (cột ngày không tính vì đã được chọn làm nhật chủ).

- Thông qua hàng Can mà địa Chi của năm tháng ngày giờ tàng chứa (xem địa chi tàng can hay nhân nguyên).

Trong Tử Bình, các nhà mệnh lý cho rằng, mỗi một thiên can tàng chứa một thần. Như vậy 3 can: năm, tháng, giờ sinh của một người ứng với 3 thần (can ngày là nhật chủ nên không tính). Mỗi một địa chi của 4 thời sinh đều tàng chứa 1 hoặc 2 hay đến 3 thiên can, và từ các thiên can này lại xác định được nhóm các thần trong thập thần.

Để tìm các thần ứng với một cột thời gian sinh, người xưa lấy CAN NGÀY SINH đối chiếu 3 hàng can của năm, tháng, giờ sinh để xác định các thần trong thập thần. Sau đó từ các địa chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh mà xác định các can hàm chứa trong đó, lại từ các can này mà xác định các thần trong thập thần. Các thần được tìm ra được ghi vào 4 cột thời gian.

Để tiện theo dõi cách lập sơ đồ luận giải, xin nêu ra đây hai bảng cơ bản nhất đã được khái quát theo ý tưởng của các nhà mệnh lý xưa:

a. Bảng Thiên can ngày sinh (nhật chủ) tương ứng với 10 thần (1):

10 Thần Nhật chủ	Tỷ kiên	Kiếp Tài	Thực Thần	Thương Quan	Thiên Tài	Chính Tài	Thất Sét	Chính Quan	Thiên Ấn	Chính Ấn
Giáp	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Ất	Ất	Giáp	Đinh	Bính	Kỷ	Mậu	Tân	Canh	Quý	Nhâm
Bính	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
Đinh	Đinh	Bính	Kỷ	Mậu	Tân	Canh	Quý	Nhâm	Ất	Giáp
Mậu	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
Kỷ	Kỷ	Mậu	Tân	Canh	Quý	Nhâm	Ất	Giáp	Đinh	Bính
Canh	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
Tân	Tân	Canh	Quý	Nhâm	Ất	Giáp	Đinh	Bính	Kỷ	Mậu
Nhâm	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
Quý	Quý	Nhâm	Ất	Giáp	Đinh	Bính	Kỷ	Mậu	Tân	Canh

*b. Bảng địa chi tàng chứa can(2):*

ĐỊA CHI	CAN TÀNG CHỨA	ĐỊA CHI	CAN TÀNG CHỨA
Tý	Quý	Ngo	Đinh, Kỷ
Sửu	Kỷ, Tân, Quý	Mùi	Kỷ, Ất, Đinh
Dần	Giáp, Bính, Mậu	Thân	Canh, Nhâm, Mậu
Mão	Ất	Đậu	Tân
Thìn	Mậu, Ất, Quý	Tuất	Mậu, Đinh, Tân
Ty	Bính, Canh, Mậu	Hợi	Nhâm, Giáp

Ví dụ: người sinh năm Mậu Dần, tháng Giáp Tý, Ngày Bính Tý, giờ Canh Dần.

Theo cách trên ta an chư sau:

Một là: lấy can ngày sinh là Bính làm chủ, đối chiếu với bảng (1) như: Bính với Mậu có Thực thân, Bính với Giáp có Thiên ấn, Bính với Canh có Thiên tài. Ta ghi các dữ liệu này vào từng cột thời gian tương ứng.

Hai là: tiếp theo an các thần có từ hàng chi, đối chiếu với bảng (2). Ta thấy Dần (*năm*) chứa: Giáp, Bính, Mậu, lấy Bính (bảng 1) nhật chủ đối chiếu với: Giáp có Thiên ấn; Bính có Tử kiên; Mậu có Thực thân, ghi 3 thần này vào cột năm.

Tý (*tháng*) chứa Quý, lấy Bính nhật chủ đối chiếu với Quý, ta có Chính quan, ghi vào cột tháng.

Tý (*ngày sinh*) chứa Quý, tương tự lấy Bính nhật chủ đối chiếu với Quý ta có Chính quan ở cột thời gian.

Dần (*giờ sinh*) chứa Giáp, Bính, Mậu, tương tự lấy Bính Nhật chủ đối chiếu với các 3 can này, ta có: Thiên ấn, Tử kiên, Thực thân ở cột thời gian giờ.

Tổng hợp lại, bước đầu ta có sơ đồ tứ trụ an thập thần để luận bàn như sau:

Năm Mậu Dần	Giáp Tý (tháng)	Bính Tý-Nhật chủ	Canh Dần (giờ)
Thực thần	Thiên ấn		Thiên tài
Giáp: Thiên ấn Bính: Tý kiên Mậu: Thực thần	Quý: Chính quan	Quý: Chính quan	Giáp: Thiên ấn Bính: Tý kiên Mậu: Thực thần

*Thứ hai:* xác định Đại vận và tìm Tiểu vận.

*Thứ ba:* tìm mệnh cung.

*Thứ tư:* xác định cách cục.

*Thứ năm:* an vòng thiên Can: Trường sinh, Đế vượng, Suy... Bệnh, Mộ... Thai, Dưỡng vào 4 cột thời gian để luận bàn.

*Thứ sáu:* an Không vong và các Thần Sát nếu có vào 4 cột thời gian để luận bàn.

*Thứ bảy:* xem xét các Chi ở các mức độ: hợp, xung, hình, hại, phá... để luận bàn.

*Thứ tám:* tìm nguyên cục (lượng) Ngũ hành trong toàn thể 4 cột thời gian để xem mức độ can bằng hay thiên lệch của các thuộc tính ngũ hành mà luận bàn.

*Thứ chín:* xác định Dụng thần để tự "điều chỉnh" bản thân qua logic cuộc sống, sao cho tốt đẹp lên, hoặc hoá giải cái xấu thành cái tốt.

*Thứ mười:* luận giải tổng thể một diễn trình cuộc đời qua 9 dữ liệu được xác định như nêu trên.

## 2. VÍ DỤ LẬP SO ĐỒ DỰ BÁO THEO TỬ BÌNH

*Ví dụ 1:* người nam sinh năm Bính Tý, ngày Giáp Tý, tháng Canh Dần, giờ Đinh Mão (1936/ngày 12 tháng 1; âm lịch: ngày 20 tháng Giêng, năm này Lập Xuân này 13 tháng Giêng). Để luận giải, người ta thực hiện các bước sau đây:

- Lập 4 cột thời gian, lấy ngày sinh Giáp Tý làm Nhật chủ và an thập thần. ở đây:



- Chi Tý: tàng Quý, mà Giáp (nhật chủ) gặp Quý có Chính ấn.

- Chi Dần: tàng Giáp, Bính, Mậu; do đó: Giáp gặp Giáp: Tỷ kiên, Giáp gặp Bính: Thực thân, Giáp gặp Mậu: Thiên tài.

- Chi Mão: tàng Ất, mà Giáp gặp Ất: Kiếp tài.

Theo cách an thập thần trên như trình bày ở các cách trong các mục đã nói trên đây, ta tiếp tục an các thập thần, vòng Can trường sinh, các Thần Sát..., sẽ có bảng sau:

Bính Tý (1936)	Canh Dần (Giêng)	Giáp Tý - Nhật chủ	Đinh Mão (giờ)
Thực thân	Thất sát	Chính ấn	Thương quan
Chính ấn	Tỷ kiên Thực thân Thiên tài		Thương quan Kiếp tài
Đế vượng	Mộc dục	Kiến lộc	Mộc dục
Thiên đức Dương nhận	Học sỹ Tiến thân	Dịch mã	Nguyệt đức Học sỹ

Diễn trình cuộc đời theo các mốc thời gian (đại vận) như sau:

58 tuổi	48 tuổi	38 tuổi	28 tuổi	18 tuổi	3 tuổi
Bính Thân	Ất Mùi	Giáp Ngọ	Quý Ty	Nhâm Thìn	Tân Mão

Tiểu vận như sau: Bính Tý là dương nam, nên tính thuận: 1 tuổi vận Mậu Thìn, 2 tuổi vận Kỷ Ty, 3 tuổi vận Canh Ngọ, 4 tuổi vận Tân Mùi, 5 tuổi vận Nhâm Thân, 6 tuổi vận Quý Dậu, 7 tuổi vận Giáp Tuất...

Mệnh cung: Canh Tý; Tiểu hạn: năm dự báo là Giáp Dần nên rơi vào Giáp Tuất; Thai nguyên Tân Ty là Bạch Lạp kim; Cách cục là Kiên lộc cách; Hình ở Tý và Mão; Không vong: sinh ngày (Nhật chủ) Giáp Tý thuộc Giáp Tý tuần, nên Không vong ở Tuất, Hợi.

Qua những dữ liệu trên, người ta luận bàn theo các tiêu chí như đã trình bày trong các chương mục trên đây.

*Ví dụ 2: nữ sinh năm Bính Tý, ngày 20 tháng Giêng âm lịch, giờ Đinh Mão (từ 5h-7h).*

Trong ví dụ này, bảng 4 cột thời gian với các thân sát, các thân trong 10 thân, vòng trường sinh tương tự như của người nam Bính Tý trên (vì cùng giống nhau năm tháng ngày giờ sinh), nhưng đây là dương nữ, nên tiểu vận nghịch hành, như 1 tuổi là Bính Dần, 2 tuổi là Ất Sửu, 3 tuổi là Giáp Tý.... Về đại vận như sau:

52 tuổi	42 tuổi	32 tuổi	22 tuổi	12 tuổi	2 tuổi
Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi	Mậu Tý	Kỷ Sửu

Các dữ kiện như mệnh cung, Tiểu hạn, Cách cục... tính tương tự như ví dụ trên.

*Ví dụ 3: nam sinh năm Giáp Thìn, tháng Giáp Tuất, ngày Quý Sửu, giờ Nhâm Tý.*

Theo cách tính trên, lấy Quý Sửu làm Nhật chủ, sắp xếp thành 4 cột thời gian, bước đầu tìm thân qua 3 can năm tháng giờ như:

Lấy Quý nhật chủ đối chiếu (bảng 1) với Giáp năm có: Thương quan; với Giáp tháng cũng có Thương quan; với Nhâm giờ có Kiếp tài, ghi các dữ liệu trên theo các cột thời gian tương ứng.

Tìm can tàng chứa trong các chi năm tháng ngày giờ, như:

Chi Thìn năm chứa: Ất, Quý, Mậu → lấy Quý nhật chủ đối chiếu với ất ta có Thực thần; với Mậu ta có Chính quan; với Quý ta có Tỷ kiên, các dữ liệu này ghi vào cột năm.

Chi Tuất tháng chứa Tân, Đinh, Mậu → lấy Quý nhật chủ đối chiếu với Mậu ta có Chính quan, với Đinh